This bilingual form is provided as a convenience. Forms submitted to the court must be completed in English.
Biểu mẫu song ngữ này được cung cấp để mang lại sự thuận tiện. Các biểu mẫu đệ trình lên tòa án phải được hoàn thành bằng tiếng Anh.

TENANT'S NOTICE OF PAYMENT OF RENT UNDER PROTEST DUE TO RENTAL UNIT NOT DELIVERED OR NOT IN REQUIRED CONDITION

THÔNG BÁO CỦA NGƯỜI THUÊ NHÀ VỀ VIỆC THANH TOÁN TIỀN THUÊ NHÀ DƯỚI SỰ PHẢN ĐỐI DO NHÀ CHO THUÊ KHÔNG ĐƯỢC GIAO HOẶC KHÔNG ĐÁP ỨNG TÌNH TRẠNG YÊU CẦU

K.S.A. 58-2552 and / và K.S.A. 58-2560

TO: / NGƯỜI NHẬN: _____
(Landlord's first and last name)
(Họ và tên của Chủ Nhà)

FROM: NGƯỜI GỬI: _____
(Tenant's first and last name)
(Họ và tên của Người Thuê Nhà)

ADDRESS OF PROPERTY:
ĐỊA CHỈ NHÀ Ở: _____
(Street address, city, state, and zip code)
(Địa chỉ đường phố, thành phố, tiểu bang và mã bưu chính)

On _____ (date), I timely paid my rent, in full, by giving you $_____. Even though I have paid the full month's rent I did so under protest, and only to prevent eviction for nonpayment of rent. It is my position that I should not pay rent until you bring the rental unit into compliance with the rental agreement and K.S.A. 58-2553. Any future rent paid by me will be paid under protest pursuant to K.S.A. 58-2560, and I reserve the right to terminate the rental agreement per K.S.A. 58-2560(a). If you or I file a lawsuit, I will seek a refund of all payments made to you, in addition to any other relief available to me pursuant to K.S.A. 58-2560, including, but not limited to, one and one-half times the monthly rent.

Vào _____ (ngày), tôi đã thanh toán tiền thuê nhà đúng hạn, đầy đủ, bằng cách trả cho quý vị $_____. Mặc dù tôi vẫn thanh toán đủ tiền thuê nhà của tháng, nhưng tôi làm như vậy để phản đối và chỉ để tránh việc bị trục xuất khỏi nhà vì không thanh toán tiền thuê nhà. Theo quan điểm của tôi, tôi không phải trả tiền thuê nhà cho đến khi quý vị đảm bảo nhà cho thuê tuân thủ hợp đồng thuê nhà và K.S.A. 58-2553. Bất kỳ khoản tiền thuê nhà nào trong tương lai do tôi thanh toán sẽ được thanh toán dưới sự phản đối theo K.S.A. 58-2560, và tôi bảo lưu quyền chấm dứt hợp đồng thuê nhà theo K.S.A. 58-2560(a). Nếu quý vị hoặc tôi đệ trình đơn kiện, tôi sẽ yêu cầu hoàn lại tất cả các khoản thanh toán đã trả cho quý vị, ngoài bất kỳ biện pháp khắc phục nào khác mà tôi được hưởng theo K.S.A. 58-2560, bao gồm nhưng không giới hạn ở một lần rưỡi tiền thuê nhà hàng tháng.

(Describe the ways the rental unit is not compliant with the rental agreement or K.S.A. 58-2553):

This bilingual form is provided as a convenience. Forms submitted to the court must be completed in English.
Biểu mẫu song ngữ này được cung cấp để mang lại sự thuận tiện. Các biểu mẫu đệ trình lên tòa án phải được hoàn thành bằng tiếng Anh.

(Mô tả những khía cạnh mà nhà cho thuê không tuân thủ hợp đồng thuê nhà hoặc K.S.A. 58-2553):

Please contact me regarding this matter.

Vui lòng liên hệ với tôi về vấn đề này.

I provided this Notice on _____ by:
(Date)

Tôi đã đưa ra Thông Báo này vào _____ bằng cách:
(Ngày)

☐ hand-delivering a copy of this Notice.
gửi trực tiếp một bản sao của Thông báo này.

☐ posting a copy of this Notice in a clearly visible place at
gửi một bản sao của Thông Báo này ở nơi dễ thấy tại

_____.
(Landlord's address)
(Địa chỉ của Chủ Nhà)

☐ mailing a copy of this Notice to
gửi qua đường bưu điện một bản sao của Thông Báo này tới

_____.
(Landlord's address)
(Địa chỉ của Chủ Nhà)

_____
Signature of Person Delivering or Mailing Notice
Chữ Ký của Người Giao hoặc Gửi Thông Báo Bưu Điện

_____
Printed Name of Person Delivering or Mailing Notice
Tên Viết In của Người Giao hoặc Gửi Thông Báo Bưu Điện